

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 470 /BVM-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2026

V/v thực hiện báo cáo quyết toán,
báo cáo tài chính năm 2025.

Kính gửi: Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Công văn số 1172/SYT-KHTC ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm 2025.

Bệnh viện Mắt thực hiện gửi báo cáo quyết toán năm 2025, đối chiếu kho bạc theo phụ lục I và phụ lục II.

Bệnh viện Mắt kính báo cáo.

Trân trọng./. HL

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Ban Giám đốc;
 - Lưu: VT, TCKT (HHH_3b).
- (Đính kèm hồ sơ: Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí NS bằng hình thức rút dự toán tại KBNN - mẫu 20a
Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí NS bằng hình thức rút dự toán tại KBNN - mẫu 20c)



Mẫu chương: 423

Đơn vị báo cáo: BỆNH VIỆN MẮT

Mã ĐVQHNS: 1040398

Phụ lục I

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Năm 2025

(Đính kèm Công văn số ~~430~~ /BVM-TCKT ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Mắt)

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI : TỔNG HỢP					
				TỔNG SỐ	KHOẢN: TỔNG HỢP				
A	B	C	1	2	3				
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1							
11	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	2							
	- Kinh phí đã nhận	3							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4							
12	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	5							
	- Kinh phí đã nhận	6							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7							
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	260.000.000	260.000.000	260.000.000				
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	9							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	260.000.000	260.000.000	260.000.000				
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	11	260.000.000	260.000.000	260.000.000				
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	260.000.000	260.000.000	260.000.000				
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	204.571.144	204.571.144	204.571.144				
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	204.571.144	204.571.144	204.571.144				
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	204.571.144	204.571.144	204.571.144				
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	204.571.144	204.571.144	204.571.144				
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20	55.428.856	55.428.856	55.428.856				
61	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)	21							

Mã chương: 423

Đơn vị báo cáo: BỆNH VIỆN MẮT

Mã ĐVQHNS: 1040398

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI : TỔNG HỢP					
				TỔNG SỐ	KHOẢN: TỔNG HỢP				
A	B	C	1	2	3				
	- Đã nộp NSNN	22							
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	23							
	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)	24							
62	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	25	55.428.856	55.428.856	55.428.856				
	- Đã nộp NSNN	26							
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	27							
	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	28	55.428.856	55.428.856	55.428.856				
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử	29							
71	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	30							
	- Kinh phí đã nhận	31							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32							
72	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33							
	- Kinh phí đã nhận	34							
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35							
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	36							
2	Dự toán được giao trong năm	37							
3	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)	38							
	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng	39							
	- Số đã ghi thu, ghi chi	40							
4	Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)	41							
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	42							
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)	43							
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI								

Mã chương: 423

Đơn vị báo cáo: BỆNH VIỆN MẮT

Mã ĐVQHNS: 1040398

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI : TỔNG HỢP					
				TỔNG SỐ	KHOẢN: TỔNG HỢP				
A	B	C	1	2	3				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)	44							
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	45							
	- Số dư dự toán	46							
2	Dự toán được giao trong năm	47							
3	Tổng số được sử dụng trong năm (48= 44+47)	48							
4	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49= 50+51)	49							
	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN	50							
	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN	51							
5	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán	52							
6	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)	53							
	- Đã nộp NSNN	54							
	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)	55							
	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)	56							
7	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)	57							
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	58							
	- Số dư dự toán	59							
8	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN	60							
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI								
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	61							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	62							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	63							
2	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)	64							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	65							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	66							
3	Số thu được trong năm (67=68+69)	67							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	68							

Mã chương: 423

Đơn vị báo cáo: BỆNH VIỆN MẮT

Mã ĐVQHNS: 1040398

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI : TỔNG HỢP					
				TỔNG SỐ	KHOẢN: TỔNG HỢP				
A	B	C	1	2	3				
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	69							
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)	70							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)	71							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)	72							
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)	73							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	74							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	75							
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)	76							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)	77							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)	78							
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI								
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)	79							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	80							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	81							
2	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)	82							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	83							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	84							
3	Số thu được trong năm (85=86+87)	85							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	86							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	87							
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)	88							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)	89							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)	90							

Mã chương: 423

Đơn vị báo cáo: BỆNH VIỆN MẮT

Mã ĐVQHNS: 1040398

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI : TỔNG HỢP					
				TỔNG SỐ	KHOẢN: TỔNG HỢP				
A	B	C	1	2	3				
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)	91							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	92							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	93							
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)	94							
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)	95							
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)	96							

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hồ Huy Hoàng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hồ Huy Hoàng

Lập, ngày 13. tháng 02 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phụ lục II
BÁO CÁO CHI TIẾT CHI TỪ NGUỒN NSNN VÀ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐỂ LẠI

Năm 2025
(Đính kèm Công văn số 410/BVM-TCKT ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Mắt)

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				I. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	204.571.144	204.571.144				
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	159.246.000	159.246.000				
			6606	Tuyên truyền, quảng cáo	159.246.000	159.246.000				
		6650		Hội nghị	14.400.000	14.400.000				
			6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	14.400.000	14.400.000				
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	30.925.144	30.925.144				
			7049	Chi khác	30.925.144	30.925.144				
				Tổng cộng	204.571.144	204.571.144				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)


Hồ Huy Hoàng

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ và tên)


Hồ Huy Hoàng

Ngày 13 tháng 02 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Lê Anh Tuấn

Mã chương: 423
Đơn vị: Bệnh viện Mắt
Mã DVQHNS: 1040398
Mã cấp NS: 2

Người ký: Lê Thị Hằng Nga
Ngày ký: 06/02/2026 15:47:33
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực II - PGD số 10
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	I	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Chi khác	12	132	7049	00000	0	0	30.925.144	30.925.144	30.925.144	30.925.144
Tuyên truyền; quảng cáo	12	132	6606	00000	0	0	159.246.000	159.246.000	159.246.000	159.246.000
Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	12	132	6652	00000	0	0	14.400.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000
Cộng:					0	0	204.571.144	204.571.144	204.571.144	204.571.144
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 2 năm 2026

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Vinh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 2 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Lê Thị Hằng Nga
Ngày ký: 06/02/2020 11:17:32
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KHONKha-viet-B-4930 số 10

Lê Thị Hằng Nga

Người ký: HỒ HUY HOÀNG
Ngày ký: 06/02/2020 10:12:44
Đơn vị: Khonkha-viet-B-4930

HỒ HUY HOÀNG

Người ký: Lê Anh Tuấn
Ngày ký: 06/02/2020 14:36:08
Đơn vị: Khonkha-viet-B-4930

Lê Anh Tuấn



Mã chương: 423

Đơn vị: Bệnh viện Mắt

Mã DVQHNS: 1040398

Mã cấp NS: 2



Người ký: Lê Thị Hằng Nga
Ngày ký: 06/02/2026 15:47:40
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực II - PGD
số 10
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, ĐA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	132	00000	0	260.000.000	260.000.000	260.000.000	260.000.000	204.571.144	204.571.144	0	0	0	55.428.856
Cộng:			0	260.000.000	260.000.000	260.000.000	260.000.000	204.571.144	204.571.144	0	0	0	55.428.856
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 2 năm 2026

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Vinh

Người ký: Lê Thị Hằng Nga
Ngày ký: 06/02/2026 15:47:40
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực II - PGD số 10

Lê Thị Hằng Nga

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 2 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: HỒ HUY HOÀNG
Ngày ký: 06/02/2026 14:30:00
Đơn vị: Bệnh viện Mắt

HỒ HUY HOÀNG

Người ký: Lê Anh Tuấn
Ngày ký: 06/02/2026 14:30:00
Đơn vị: Bệnh viện Mắt

Lê Anh Tuấn